

Số: 16 /2013/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô
(Theo điểm a khoản 3 Điều 11 Luật Thủ đô)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XIV, KỲ HỌP LẦN THỨ 7

(Từ ngày 01/7/2013 đến ngày 06/7/2013)

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô, Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội, ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, CÔNG VIÊN, VƯỜN HOA, KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Công trình văn hóa; công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí trên địa bàn Thủ đô đáp ứng được quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ sở ngoài công lập được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã đủ điều kiện về năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Danh mục kêu gọi đầu tư

1. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt danh mục công trình, dự án kêu gọi đầu tư và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Danh mục công trình, dự án kêu gọi đầu tư phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chuyên ngành đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Thông tin công bố: Tên công trình, dự án, địa điểm, các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc, tổng vốn đầu tư dự kiến, tiến độ thực hiện, mục đích đầu tư.

Điều 3. Lựa chọn Nhà đầu tư

Việc lựa chọn Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của Nhà nước và Thành phố về lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất.

Điều 4. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư

Điều kiện để Nhà đầu tư được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư tại Nghị quyết này được quy định tại danh mục chi tiết loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn các công trình văn hóa công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Chính sách khuyến khích đầu tư

Ngoài những chính sách khuyến khích theo quy định của pháp luật hiện hành, Nhà đầu tư được hưởng những chính sách khuyến khích đầu tư sau:

1. Giao đất, cho thuê đất

a) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình theo các hình thức: Giao đất không thu tiền sử dụng đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất; cho thuê đất và miễn tiền thuê đất.

Trường hợp Nhà đầu tư đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành) thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa sẽ được ngân sách Nhà nước hoàn trả.

b) Trường hợp được Ủy ban nhân dân Thành phố giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất nhưng Nhà đầu tư có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện theo quy định miễn giảm tiền sử dụng đất) thì được thực hiện theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả

thời gian thuê và được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

Trong trường hợp này, Nhà đầu tư được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

c) Nhà đầu tư sử dụng đất hợp pháp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Nhà nước bảo hộ quyền sử dụng đất hợp pháp, quyền sở hữu nhà và tài sản theo quy định của pháp luật. Trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

d) Việc sử dụng đất của Nhà đầu tư phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn giao đất, thuê đất nếu Nhà đầu tư không có nhu cầu tiếp tục sử dụng, bị giải thể, chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất đã được giao cho nhà nước; trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không có hiệu quả thì Ủy ban nhân dân Thành phố phải thu hồi lại đất.

đ) Khi được Ủy ban nhân dân Thành phố giao đất và miễn thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và miễn thu tiền thuê đất, Nhà đầu tư không được tính giá trị đất đang sử dụng vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng làm tài sản thế chấp để vay vốn.

e) Nhà đầu tư không được chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái quy định của pháp luật.

g) Đối với đất nhận chuyển nhượng hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân, Nhà đầu tư được tính giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng vào tài sản của dự án đầu tư và được khấu hao thu hồi vốn đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ lệ phí và thuế:

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất; các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất.

3. Nhà đầu tư được vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

4. Đối với công trình công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí: Ngoài các ưu đãi tại khoản 1,2,3 Điều này, Nhà đầu tư được phép tự chủ kinh doanh, khai thác các công trình kiến trúc trong Dự án.

Đối với diện tích sử dụng công cộng, Nhà đầu tư chỉ được thu các loại phí, mức phí theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nhà đầu tư vận hành, duy tu, bảo trì các công trình, hạng mục của dự án theo thời gian hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư và các quyết định giao, thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian hoạt động của dự án, Nhà đầu tư

tư không được có bất kỳ hành vi nào cản trở các mục đích phục vụ hạ tầng chung (nếu có).

5. Đối với các dự án khu vui chơi giải trí, công viên chuyên đề có mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp không quá 25% không áp dụng chính sách khuyến khích tại khoản 1,2,3,4 Điều này. Nhà đầu tư được áp dụng đơn giá thuê đất hoặc giao đất ở mức tối thiểu.

6. Nhà đầu tư được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư tại thời điểm dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư. Nhà đầu tư có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này để chứng minh đủ điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư khi đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀO VIỆC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, CÔNG VIÊN, VƯỜN HOA, KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BẢO TỒN, TÔN TẠO PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

Điều 6. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí, công trình văn hóa phục vụ công cộng không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

Điều 7. Nguyên tắc huy động

1. Khuyến khích, động viên, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp kinh phí, vật chất để xây dựng các công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí sử dụng công cộng; tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. Tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện không vì lợi nhuận, lợi ích cá nhân hoặc có đòi hỏi nào khác về quyền lợi trái với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quá trình quản lý, sử dụng đóng góp phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích từ khi tiếp nhận, đầu tư xây dựng, bàn giao, sử dụng, phát huy hiệu quả vật chất, trí tuệ, đồng thời kịp thời có các hình thức ghi nhận tương xứng với đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

4. Cơ quan có thẩm quyền công bố danh mục các dự án, công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và di sản văn hóa vật thể, phi vật thể kêu gọi đóng góp tự nguyện.

Nội dung thông tin công bố: Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm, các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc, tổng vốn đầu tư, kinh phí dự kiến huy động, các nguyên vật liệu, hiện vật (nếu có), các nguồn vốn đầu tư dự kiến, tiến độ thực hiện. Trường hợp là di sản văn hóa phải có đủ thông tin về giá trị lịch sử - văn hóa, tình trạng xuống cấp, nội dung tu bổ, tôn tạo và phương án bảo tồn.

Điều 8. Hình thức đóng góp tự nguyện

Các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện thông qua các hình thức sau đây:

1. Bằng tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ hoặc các loại giấy tờ có giá trị quy đổi ra tiền Việt Nam đồng.
2. Các loại tài sản, hiện vật có giá trị về kinh tế, giá trị văn hóa, lịch sử hoặc phù hợp với nhu cầu sử dụng của công trình.
3. Các hình thức đóng góp tự nguyện khác.

Điều 9. Quy trình thực hiện

1. Tiếp nhận đóng góp:

a) Ủy ban nhân dân các cấp giao một đơn vị để tiếp nhận và công bố đóng góp. Cơ quan tiếp nhận đóng góp phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Thành phố hoặc Kho bạc Nhà nước cấp huyện để tiếp nhận tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ.

b) Trường hợp, hình thức đóng góp là tài sản, hiện vật, công lao động phải được thống kê, ghi nhận về số lượng, quy cách, chất lượng. Trường hợp cần thiết phải chụp ảnh, quay phim. Đơn vị tiếp nhận chịu trách nhiệm xác định khối lượng hiện vật, ngày công lao động trình Ủy ban nhân dân cấp trên của chủ đầu tư để làm cơ sở ghi thu vốn đầu tư và ghi chi dự án đầu tư. Trường hợp chưa sử dụng phải được tổ chức bảo quản đảm bảo an toàn chất lượng, số lượng.

c) Các khoản thu, chi phải được phản ánh vào ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán thống kê.

2. Quản lý thực hiện, bàn giao, khai thác sử dụng dự án đầu tư xây dựng, dự án tu bổ tôn tạo, phát huy giá trị di sản đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, quản lý di sản văn hóa.

3. Tham gia vốn ngân sách: Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng ngân sách để làm công tác chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng, dự án tu bổ tôn tạo, phương án bảo tồn di sản.

4. Thành phố khuyến khích áp dụng quy trình tổ chức thực hiện này đối với các công trình không thuộc danh mục kêu gọi đóng góp tự nguyện của Thành phố.

Điều 10. Quyền lợi của các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện

1. Được tham gia hoặc cử người đại diện tham gia giám sát quá trình đầu tư, xây dựng và thanh quyết toán vốn đầu tư.

2. Các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện được lưu danh tại địa phương hoặc tại công trình phù hợp với truyền thống, thuần phong mỹ tục và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tổng kết, đánh giá, tôn vinh, khen thưởng và đề xuất cấp trên khen thưởng tương xứng với mức đóng góp đối với các tổ chức, cá nhân.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Tổ chức sơ kết, tổng kết thực tiễn thi hành Nghị quyết và trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chính sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Thủ đô.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

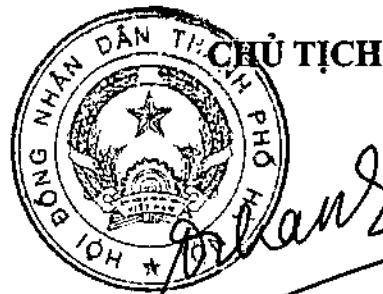
1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

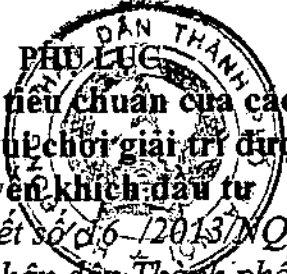
Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác ĐBQH;
- Các Bộ, Ngành Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- TT HĐND TP; UBND TP; UBND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- VPTU, các Ban Đảng Thành ủy;
- VPĐBQH&HĐNDTP; VPUBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo thành phố Hà Nội;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Lưu: VT.



Ngô Thị Doãn Thanh



Loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 6-12013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội)

I. Công trình văn hóa

TT	DANH MỤC LOẠI HÌNH	TIÊU CHÍ VỀ QUY MÔ	TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
1	Văn hóa cơ sở		
1.1	Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp xã	+ Thực hiện xã hội hóa, góp vốn, huy động vốn theo quy định của pháp luật. + Có diện tích đất tối thiểu: cấp huyện là 2.500m ² , cấp xã 1.000m ² + Địa phương có quy hoạch	+ Theo quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành (Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) + Nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và mở rộng loại hình hoạt động, đối tượng phục vụ.
1.2	Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	+ Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, dự án độc lập. + Có diện tích đất tối thiểu là 2.500 m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Tổ chức nhiều loại hình văn hóa các dịch vụ văn hóa thể thao, thương mại, du lịch, vui chơi giải trí công nghệ cao, phục vụ theo nhu cầu của các nhóm đối tượng, đặc biệt là trẻ em.
1.3	Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn	+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 200m ² , đất 2.000m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Có 03 lao động quản lý thường xuyên. + Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm
1.4	Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 250m ² , đất 5.000m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Theo quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành (Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
1.5	Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở các quận, thành phố	+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 150 m ² , đất 1.000 m ² + Địa phương có quy hoạch.	+ Có 03 lao động quản lý thường xuyên. + Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm.

TT	DANH MỤC LOẠI HÌNH	TIÊU CHÍ VỀ QUY MÔ	TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
2 Mỹ thuật nhiếp ảnh và Triển lãm			
2.1	Bảo tàng Mỹ thuật ngoài công lập	+ Diện tích tối thiểu 300m ² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, kho tàng, khu phụ trợ.	+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Có tối thiểu 200 tác phẩm nghệ thuật đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định.
2.2	Vườn tượng	+ Diện tích tối thiểu 3.000 m ² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, khu phụ trợ.	+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Có tối thiểu 50 tác phẩm chất liệu bền vững đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định.
2.3	Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật.	+ Diện tích tối thiểu 350 m ²	+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Có giấy phép của cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch.
2.4	Bảo tàng Nhiếp ảnh ngoài công lập	Diện tích tối thiểu 250m ² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, kho tàng, khu phụ trợ	+ Được cấp có thẩm quyền phê duyệt + Có tối thiểu 300 tác phẩm đạt chất lượng nghệ thuật được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định
3 Thư viện			
	Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	+ Số lượng bản sách ít nhất 500 bản. + Tên ấn phẩm định kỳ (báo, tạp chí) ít nhất 1 tên. + Kho: Đáp ứng yêu cầu lưu giữ vốn tài liệu hiện có và vốn tài liệu sẽ phát triển sau 3-5 năm với diện tích 1,5m ² / 01 đơn vị tài liệu. + Số chỗ ngồi đọc tối thiểu: 10 chỗ với diện tích 1,0m ² / 01 chỗ ngồi đọc. + Trang thiết bị chuyên dùng: Có đủ giá sách để lưu giữ số sách, báo hiện có; bàn ghế cho người đọc; hộp mục lục hoặc bản danh mục tài liệu của thư viện.	+ Thư viện được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Văn hoá thông tin cấp huyện hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nơi thư viện đặt trụ sở) cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện.

II. Công trình công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí

TT	DANH MỤC, LOẠI HÌNH	TIÊU CHÍ CHỨC NĂNG	TIÊU CHUẨN QUY HOẠCH
	Công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí	+ Mục đích sử dụng công cộng, phục vụ xã hội, cộng đồng, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân như thể thao, vui chơi, giải trí; + Cải thiện môi trường, cảnh quan thiên nhiên; + Phục vụ hạ tầng chung như chứa nước; tiêu, thoát nước.	+ Mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp tối đa không quá 5%; + Trong dự án không bao gồm các công trình nhà ở; văn phòng, nhà cho thuê hoặc bất kỳ loại hình kinh doanh bất động sản nào khác.